TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: **43/**2025/QĐST-HNGĐ	

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Thịnh T** – Sinh năm 1983

Căn cước công dân số: 001083005796 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/4/2023.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T1** - Sinh năm 1994

Căn cước công dân số: 001194028699 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/4/2023.

Cùng nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã P, thành phố Hà Nội.

Cùng hiện ở: Số H, đường B, xã P, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/7/2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/7/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Thịnh T và chị Nguyễn Thị T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Thịnh Ngọc H, sinh ngày 06/02/2016 và Thịnh Quốc B, sinh ngày 11/9/2018. Khi ly hôn, anh chị tự nguyện thỏa thuận, anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh T, chị T1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận anh T tự nguyện chịu cả 150.000 án phí hôn

nhân gia đình sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 –Hà Nội theo biên lai số 0000700 ngày 15/7/2025 nay được hoàn trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND TP.Hà Nội;
-VKSND khu vực 7 – Hà Nội;
-Phòng THADS khu vực 7 – Hà Nội;
-UBND xã Phúc Thịnh
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Lan